BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI
HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP NĂM 2023

DANH SÁCH PHÒNG THI MÔN LÝ THUYẾT TỔNG HỢP NGHỀ NGHIỆP
CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA 8

Ngày thi: 17h00 Thứ Hai, ngày 18/09/2023 **Địa điểm thi: Phòng thi 1**

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số máy	Ký dự thi	Ghi chú
1	425	20Q30180534	Nguyễn Hà	Thu	08/02/2002	8.05	001		
2	426	20Q30180633	Phạm Thị	Thu	29/12/2001	8.06	002		
3	427	20Q30180434	Nguyễn Thị Vân	Thư	27/09/2002	8.04	003		
4	428	20Q30181130	Nguyễn Anh	Thư	18/12/2002	8.11	004		
5	429	20Q30181231	Trần Thị	Thư	02/02/2002	8.12	005		
6	430	20Q30181343	Đỗ Bùi Minh	Thư	20/10/2001	8.13	006		
7	431	20Q30180232	Hoàng Trọng	Thứ	21/12/2001	8.02	007		
8	432	20Q30181433	Nguyễn Minh	Thuận	07/03/2002	8.14	008		
9	433	20Q30180233	Hoàng Thương	Thương	23/11/2002	8.02	009		
10	434	20Q30180333	Nguyễn Thị Hoài	Thương	10/02/2002	8.03	010		
11	435	20Q30180835	Trịnh Thị	Thương	20/07/2002	8.08	011		
12	436	20Q30181336	Nguyễn Thị Mai	Thương	05/02/2002	8.13	012		
13	437	20Q30181626	Phan Thị	Thương	01/01/2002	8.16	013		
14	438	20Q30181232	Phan Thị Minh	Thuý	14/12/2002	8.12	014		
15	439	20Q30181536	Trần Thu	Thuỷ	14/11/2002	8.15	015		
16	440	20Q30180435	Ngô Minh	Thúy	16/09/2001	8.04	016		
17	441	20Q30180836	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	16/11/2002	8.08	017		
18	442	20Q30181337	Nguyễn Thanh	Thúy	13/05/2002	8.13	018		
19	443	20Q30180136	Lê Thị	Thùy	21/05/2002	8.01	019		
20	444	20Q30180234	Nguyễn Thị	Thùy	09/02/2002	8.02	020		
21	445	20Q30181627	Nguyễn Thị	Thùy	22/08/2002	8.16	021		
22	446	20Q30180235	Chu Thị	Thủy	08/05/2002	8.02	022		
23	447	20Q30180334	Nguyễn Thị Thu	Thủy	05/11/2002	8.03	023		
24	448	20Q30180736	Đỗ Thu	Thủy	08/03/2002	8.07	024		
25	449	20Q30180837	Đặng Thị Thu	Thủy	17/06/2002	8.08	025		
26	450	20Q30181034	Trần Thị	Thủy	02/10/2002	8.10	026		
27	451	20Q30181628	Nguyễn Thị Thu	Thủy	19/02/2002	8.16	027		
28	452	20Q30181629	Nguyễn Thị	Thủy	05/11/2002	8.16	028		
29	453	20Q30180935	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	02/03/2002	8.09	029		
30	454	19Q301B077	Trần Thị	Tiên	19/10/2001	8.14	030		
31	455	20Q30180838	Đinh Thế	Tiến	28/10/2001	8.08	031		
32	456	20Q30181338	Trần Thị	Toàn	14/03/2002	8.13	032		
33	457	20Q30181233	Phạm Quốc	Toản	09/05/2002	8.12	033		
34	458	20Q30180137	Phạm Thị Hương	Trà	09/08/2002	8.01	034		

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số máy	Ký dự thi	Ghi chú
35	459	20Q30180335	Ngô Thu	Trà	02/02/2002	8.03	035		
36	460	20Q30180436	Lê Thu	Trà	15/08/2002	8.04	036		
37	461	20Q30180536	Nguyễn Thanh	Trà	03/10/2002	8.05	037		
38	462	20Q30181132	Trần Thị Thanh	Trà	05/11/2002	8.11	038		
39	463	20Q30181234	Nguyễn Thu	Trà	14/10/2002	8.12	039		
40	464	20Q30181631	Nguyễn Thu	Trà	02/07/2002	8.16	040		
41	465	20Q30180236	Trần Huỳnh	Trân	24/09/2002	8.02	041		
42	466	20Q30180138	Lê Thị Thùy	Trang	20/12/2001	8.01	042		
43	467	20Q30180238	Nguyễn Thu	Trang	18/01/2002	8.02	043		
44	468	20Q30180336	Nguyễn Thu	Trang	04/09/2001	8.03	044		
45	469	20Q30180337	Chu Huyền	Trang	08/04/2002	8.03	045		
46	470	20Q30180537	Hà Thùy	Trang	04/08/2002	8.05	046		
47	471	20Q30180539	Mai Thu	Trang	16/08/2001	8.05	047		
48	472	20Q30180634	Vũ Thu	Trang	05/09/2002	8.06	048		

Tổng số thí sinh dự thi

Tổng số thí sinh không thi (SBD):

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2023

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI
HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP NĂM 2023

DANH SÁCH PHÒNG THI MÔN LÝ THUYẾT TỔNG HỢP NGHỀ NGHIỆP
CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA 8

Ngày thi: 17h00 Thứ Hai, ngày 18/09/2023 **Địa điểm thi: Phòng thi 2**

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số máy	Ký dự thi	Ghi chú
1	473	20Q30180738	Trần Thị Huyền	Trang	12/09/2002	8.07	054		
2	474	20Q30180942	Đỗ Thu	Trang	29/05/2000	8.09	055		
3	475	20Q30181036	Đỗ Hà	Trang	30/08/2002	8.10	056		
4	476	20Q30181037	Chử Thu	Trang	16/11/2002	8.10	057		
5	477	20Q30181339	Nguyễn Thu	Trang	20/07/2002	8.13	058		
6	478	20Q30181340	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	05/12/2002	8.13	059		
7	479	20Q30181435	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/12/2002	8.14	060		
8	480	20Q30181632	Nguyễn Thị	Trang	22/05/2002	8.16	061		
9	481	20Q30181633	Hoàng Thị	Trang	07/09/2002	8.16	062		
10	482	20Q30181634	Tạ Quỳnh	Trang	21/08/2002	8.16	063		
11	483	20Q30181635	Từ Hoài	Trang	19/07/2002	8.16	064		
12	484	20Q30180437	Hà Thị Kiều	Trinh	13/08/2002	8.04	065		
13	485	20Q30180635	Lê Phương	Trinh	14/06/2002	8.06	066		
14	486	20Q30180636	Nguyễn Thảo	Trinh	15/06/2002	8.06	067		
15	487	20Q30181537	Hoàng Thị Kiều	Trinh	26/05/2002	8.15	068		
16	488	20Q30180739	Phạm Đức	Trung	18/06/2002	8.07	069		
17	489	20Q30181133	Trần Kiên	Trung	07/11/2002	8.11	070		
18	490	20Q30180438	Chu Văn	Trường	29/05/2002	8.04	071		
19	491	20Q30181235	Nguyễn Quang	Trường	08/10/2002	8.12	072		
20	492	20Q30181134	Nguyễn Thị Phương	Tú	08/12/2002	8.11	073		
21	493	20Q30181437	Phạm Thanh	Tú	02/10/2002	8.14	074		
22	494	20Q30181135	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	24/08/2002	8.11	075		
23	495	20Q30180239	Nguyễn Xuân	Tùng	04/04/2002	8.02	076		
24	496	20Q30181236	Lê Thanh	Tùng	14/03/2002	8.12	077		
25	497	20Q30180139	Trương Thị	Tuyền	17/09/2001	8.01	078		
26	498	20Q30181341	Bùi Thanh	Tuyền	22/07/2002	8.13	079		
27	499	20Q30180637	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	07/03/2002	8.06	080		
28	500	20Q30180638	Khuất Thị Ánh	Tuyết	10/05/2002	8.06	081		
29	501	20Q30181438	Trần Thị Ánh	Tuyết	05/09/2002	8.14	082		
30	502	20Q30180140	Lê Phương	Uyên	04/10/2002	8.01	083		
31	503	20Q30180240	Phạm Tố	Uyên	29/06/2002	8.02	084		
32	504	20Q30180938	Nguyễn Tú	Uyên	03/06/2002	8.09	085		
33	505	20Q30181136	Đinh Nguyễn Tú	Uyên	04/06/2002	8.11	086		
34	506	20Q30181237	Đỗ Thu	Uyên	22/08/2002	8.12	087		

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số máy	Ký dự thi	Ghi chú
35	507	20Q30180439	Nguyễn Thảo	Vân	26/01/2001	8.04	088		

Tổng số thí sinh dự thi

Tổng số thí sinh không thi (SBD):

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2023

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

BỆNH VIỆN BẠCH MAI

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP NĂM 2023

5.4

BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI
HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP NĂM 2023

DANH SÁCH PHÒNG THI MÔN LÝ THUYẾT TỔNG HỢP NGHỀ NGHIỆP
CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG KHÓA 8

Ngày thi: 17h00 Thứ Hai, ngày 18/09/2023 **Địa điểm thi: Phòng thi 3**

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số máy	Ký dự thi	Ghi chú
1	508	20Q30180639	Phạm Thúy	Vân	14/01/2002	8.06	092		
2	509	20Q30180742	Ngô Thị Thúy	Vân	18/05/2002	8.07	093		
3	510	20Q30181238	Nguyễn Thị	Vân	31/12/2002	8.12	094		
4	511	20Q30181342	Trần Thị Mai	Vân	11/05/2001	8.13	095		
5	512	20Q30181439	Trần Thị Thảo	Vân	10/12/2002	8.14	096		
6	513	20Q30181440	Dương Văn Anh	Vũ	09/07/2002	8.14	097		
7	514	20Q30181239	Đỗ Viết Minh	Vương	20/12/2002	8.12	098		
8	515	20Q30180440	Nguyễn Hà	Vy	30/01/2001	8.04	099		
9	516	20Q30181138	Đinh Thảo	Vy	12/12/2002	8.11	100		
10	517	20Q30181638	Nguyễn Thị Khánh	Vy	01/01/2002	8.16	101		
11	518	20Q30181240	Trần Thị Đào	Xuân	12/03/2002	8.12	102		
12	519	20Q30180338	Bùi Hoàng Hải	Yến	29/03/2002	8.03	103		
13	520	20Q30180943	Triệu Hải	Yến	01/01/2001	8.09	104		
14	521	20Q30181039	Nguyễn Thị	Yến	19/01/2002	8.10	105		
15	522	20Q30181441	Nguyễn Thị Kim	Yến	28/09/2002	8.14	106		
16	523	20Q30181639	Phạm Hải	Yến	01/09/2002	8.16	107		
17	524	20Q30181640	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	16/10/2002	8.16	108		
18	525	19Q301D004	Đoàn Đức	Anh	23/11/2001	7D	109		
19	615	19Q301B060	Vũ Trọng	Ngọc	29/01/2001	7A	110		

Tổng số thí sinh dự thi
Tổng số thí sinh không thi (SBD):

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2023

CÁN BỘ COI THI 1 CÁN BỘ COI THI 2